

Ngày 31/12/2025	17,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.4%	1.8%	27.2%

	2025	
ROE	7.2%	+/- YoY ▲ 0.2%

	Q4/25		
DT thuần	9.06	QoQ ▲ 2.26 ▲ 33.2%	YoY ▲ 0.49 ▲ 5.7%
	tỷ VNĐ		

	2025	
DT thuần	29.8	YoY ▼ 1.90 ▼ 6.2%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN gộp	2.76	QoQ ▼ 0.65 ▼ 19.1%	YoY ▼ 0.26 ▼ 8.7%
	tỷ VNĐ		

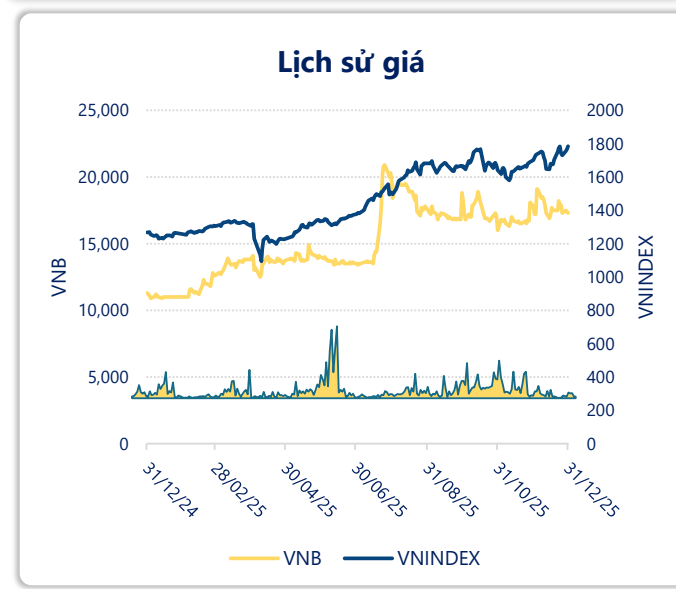
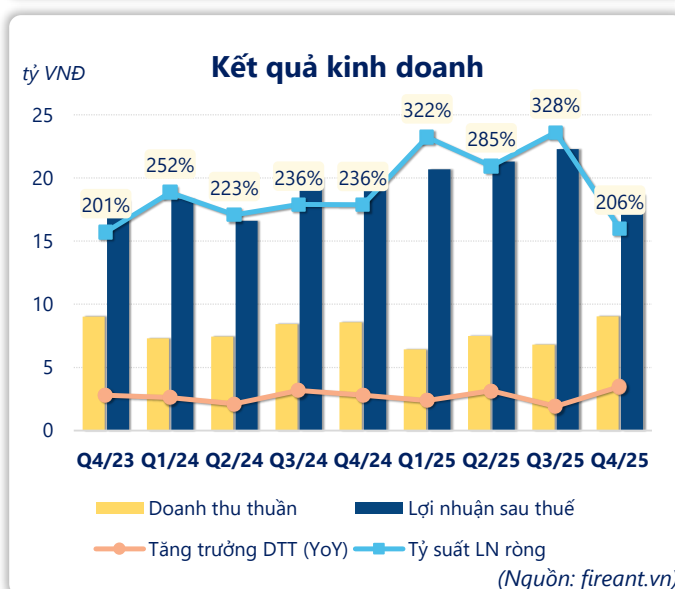
	2025	
LN gộp	12.7	YoY ▼ 0.50 ▼ 3.9%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN thuần	23.3	QoQ ▼ 4.50 ▼ 16.0%	YoY ▼ 1.90 ▼ 7.4%
	tỷ VNĐ		

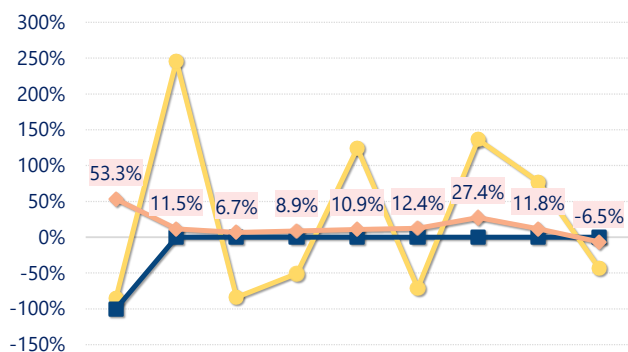
	2025	
LN thuần	104	YoY ▲ 10.0 ▲ 10.5%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN sau thuế	18.7	QoQ ▼ 3.60 ▼ 16.4%	YoY ▼ 1.50 ▼ 7.7%
	tỷ VNĐ		

	2025	
LN sau thuế	82.9	YoY ▲ 7.80 ▲ 10.4%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

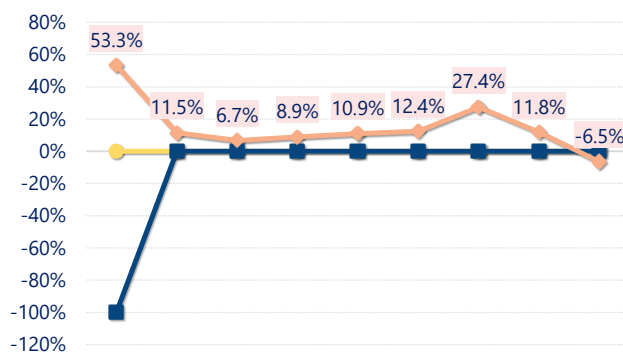


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

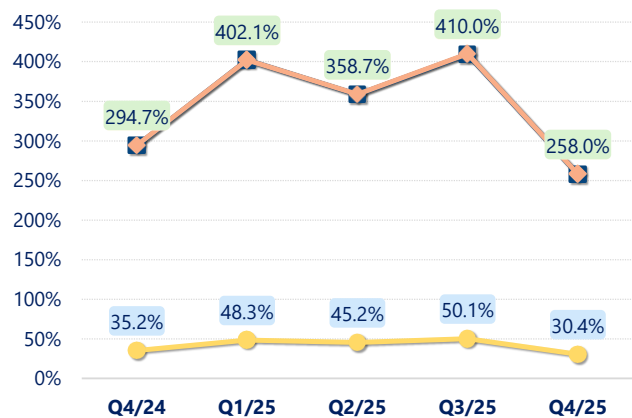


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

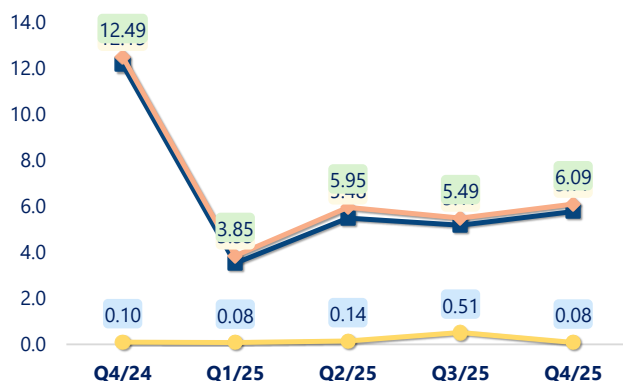


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ suất LN góp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

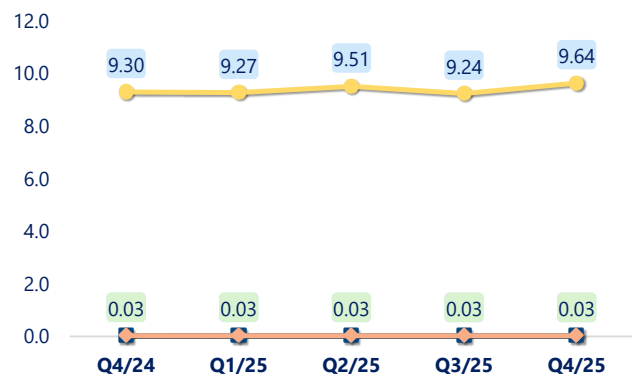


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

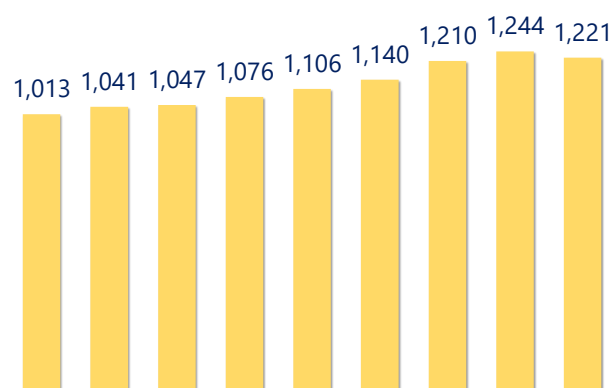


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	9.06	8.57	5.7%	29.8	31.7	-6.2%
Giá vốn hàng bán	6.30	5.55	13.5%	17.1	18.6	-7.9%
Lợi nhuận gộp	2.76	3.02	-8.7%	12.7	13.2	-3.9%
Doanh thu HĐTC	31.8	29.9	6.2%	124	109	13.7%
Chi phí TC	0.00	0.00		0.08	0.04	89.8%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.62	1.85	-12.2%	6.00	6.12	-2.1%
Chi phí QLDN	9.55	5.84	63.6%	26.6	21.9	21.4%
LN thuần từ HĐKD	23.3	25.2	-7.4%	104	94.0	10.5%
Lợi nhuận khác	0.02	0.03	-43.2%	0.10	0.10	-4.1%
LN trước thuế	23.4	25.2	-7.3%	104	94.1	10.5%
Lợi nhuận sau thuế	18.7	20.2	-7.7%	82.9	75.1	10.4%
LNST của CĐ cty mẹ	18.7	20.2	-7.7%	82.9	75.1	10.4%

(Nguồn: fireant.vn)

